

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ UÔNG BÍ
TỈNH QUẢNG NINH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số 86/2018/HSST

Ngày 21-6-2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ UÔNG BÍ, TỈNH QUẢNG NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

+ *Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Vũ Thị Thiên Nga.

+ *Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Văn Quyến và bà Nguyễn Thị Xuân.

- *Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:* Bà Nguyễn Thùy Dương, cán bộ Tòa án nhân dân thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh tham gia phiên tòa:* Ông Phạm Tiến Bình : Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 6 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Uông Bí công khai xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 81/2018/HSST ngày 18-5-2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 84/QĐXX ngày 07-6-2018 đối với bị cáo:

Nguyễn Văn T; Tên gọi khác: Không có; Sinh ngày: 23/9/1991. Nơi cư trú: Thôn T, xã K, thành phố Y, tỉnh Hưng Yên; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: Lớp 9/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn C và bà Nguyễn Thị K; Có vợ và 02 con. Con lớn sinh năm 2013, con nhỏ sinh năm 2017. Tiền án: Không có; Tiền sự: Không có; Nhân thân: Không có; Bị cáo bị tạm giữ ngày 10/3/2018, tạm giam ngày 13/ 3/2018 hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam tỉnh Quảng Ninh. Có mặt.

Bị hại:

1. Anh **Nguyễn Thành T** (Tên gọi khác: Không); sinh: 1980
Nơi cư trú: Số 58 ngõ P, thôn D, xã T, huyện Đ, thành phố Hà Nội.

2. Anh **Phạm Văn Đ** (Tên gọi khác: Không); sinh: 1982
Nơi cư trú: Xóm 3 thôn A, xã N, huyện T, thành phố Hà Nội.

3. Chị **Nguyễn Lan P** (Tên gọi khác: Không); sinh: 1987
Nơi cư trú: Số 16 đường T, phường N, quận T, thành phố Hà Nội.

4. Chị **Giang Thị N** (Tên gọi khác: Không); sinh: 1998
Nơi cư trú: Tiểu khu 1, xã S, huyện C, tỉnh Sơn La.

Bị hại vắng mặt tại phiên tòa.

Người làm chứng:

Chị **Nguyễn Thị Thảo V** (Tên gọi khác: Không); sinh: 1993

Nơi cư trú: Khu tập thể, cục kỹ thuật nghiệp vụ 1, xã T, huyện T, thành phố Hà Nội.

Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Sáng ngày 10-3-2018, Nguyễn Văn T đến khu danh thắng T, thuộc xã C, thành phố B để trộm cắp tài sản của những người đi lễ chùa. Khoảng 9 giờ cùng ngày, trong khi xếp hàng mua vé tham quan và vé cáp treo, T thấy chị Giang Thị N (sinh năm 1998, trú tại: Tiểu khu 1, xã Chiềng S, huyện C, tỉnh Sơn La), để 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu nhãn hiệu Oppo F3 ở trong túi quần. T dùng tay phải lấy chiếc điện thoại cho vào túi giả da đeo trên người. Tiếp đó, khi xếp hàng để lên cáp treo tại ga 01, T quan sát thấy anh Phạm Xuân Đ (sinh năm 1982, trú tại: Xóm 3, thôn A, xã N, huyện T, thành phố Hà Nội) đứng xếp hàng phía trước, lấy trong túi quần ra 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu Iphon6 Plus và dùng tay mở mặt khóa của điện thoại là 666666, sau khi sử dụng điện thoại anh Đ cho điện thoại vào túi quần. T đến gần anh Đ, dùng tay phải móc lấy trộm chiếc điện thoại rồi cho điện thoại vào túi xách đeo trên người và đi lên phía trước chùa Hoa Hiên. Tại đây, T đã tháo sim của 02 chiếc điện thoại vứt đi. Khi vào trong chùa Hoa Hiên, T thấy anh Nguyễn Thành Tr (sinh năm 1980, trú tại: Thôn D, xã T, huyện Đ, thành phố Hà Nội) đang lễ Phật, có 01 chiếc điện thoại Samsung note 5, ở túi áo khoác, T dùng tay phải lấy trộm chiếc điện thoại cho vào túi khoác trên người rồi quay ra nhà vệ sinh tháo sim điện thoại vứt đi rồi tiếp tục đi lên Chùa Đ. Khoảng 11 giờ cùng ngày, tại trước Nhà ghi công đức của Chùa Đ, T nhìn thấy túi quần bỏ phía sau của chị Nguyễn Lan P (sinh năm 1987, trú tại: Số 16 đường T, phường N, quận T) có 01 tờ tiền thò ra phía ngoài, T đi đến dùng tay phải móc trong túi quần của chị P được số tiền 806.000 đồng rồi cho vào túi quần của mình. Chị P phát hiện T lấy trộm tiền của mình nên đã nói với chị Nguyễn Thị Thảo V (sinh năm 1993, trú tại: xã T, huyện T, thành phố Hà Nội), là bạn cùng đi lễ chùa. Cả 2 chị đều theo dõi T và báo Công an đang làm nhiệm vụ. Khi thấy lực lượng Công an đi đến, T đi ra phía sau Chùa Đồng vứt túi xách bên trong có 03 chiếc điện thoại xuống vực. Cơ quan Công an đã tiến hành kiểm tra hành chính thu giữ tại túi quần T số tiền 806.000 đồng, T khai số tiền này vừa lấy trộm của chị P. Cơ quan Công an tiến hành truy tìm thấy chiếc túi của T, kiểm tra trong túi có 01 chiếc điện thoại Oppo F3 màu vàng, 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung galaxy note 5 màu vàng, 01 chiếc điện thoại Iphone 6 plus màu xám.

Tại bản Kết luận định giá tài sản số 15, ngày 12-3-2018, của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố Uông Bí kết luận: 01 chiếc điện

thoại Oppo F3 màu vàng của chị Giang Thị N trị giá 950.000đ (Chín trăm năm mươi nghìn); 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung galaxy note 5 màu vàng của anh Nguyễn Thành Tr trị giá 6.500.000đ (Sáu triệu năm trăm nghìn đồng); 01 chiếc điện thoại Iphone 6 plus màu xám của anh Phạm Xuân Đ trị giá 6.000.000đ (Sáu triệu đồng).

Trong quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Ông Bí, đã ra Quyết định xử lý vật chứng, trả lại anh Nguyễn Thành Tr chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung galaxy note 5 màu vàng; trả lại anh Phạm Xuân Đ chiếc điện thoại Iphone 6 plus màu xám; trả lại chị Giang Thị N chiếc điện thoại Oppo F3 màu vàng; trả lại chị Nguyễn Lan P số tiền 806.000đ (Tám trăm không sáu nghìn đồng).

Quá trình điều tra Nguyễn Văn T khai nhận hành vi phạm tội như đã nêu trên.

Các bị hại là anh Nguyễn Thành Tr, anh Phạm Văn Đ, chị Nguyễn Lan P, chị Giang Thị N và người làm chứng là chị Nguyễn Thị Thảo V mặc dù vắng mặt xong có lời khai tại cơ quan điều tra xác nhận sự việc như lời khai nhận tội của bị cáo.

Bản Cáo trạng số 87/KSĐT-HS ngày 18-5-2018 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Ông Bí, tỉnh Quảng Ninh đã truy tố bị cáo Nguyễn Văn T về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quan điểm đã truy tố bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng: Khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 điều 52 của Bộ luật hình sự: Đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T từ 15 tháng tù đến 18 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, thời hạn tù tính từ ngày bắt 10-3-2018.

- Áp dụng: Điểm a khoản 1 điều 47 Bộ luật hình sự, điểm a khoản 2 điều 106 Bộ luật hình sự:

+ Tịch thu tiêu hủy 01 chiếc túi giả da màu nâu, kẻ ka rô kích thước 23cm x 30cm có quai đeo đã cũ, bị cáo sử dụng làm phương tiện phạm tội, không còn giá trị sử dụng.

(Toàn bộ vật chứng theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 13- 6 -2018 giữa Công an TP. Ông Bí và Chi cục thi hành án dân sự TP. Ông Bí).

Tại phiên tòa bị cáo nhận tội, không tranh luận với đại diện Viện kiểm sát. Bị cáo thừa nhận: Việc truy tố và đưa bị cáo ra xét xử là đúng người đúng tội, không oan tội, đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã

được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định, tài liệu, chứng cứ, của Cơ quan điều tra Công an thành phố Uông Bí, của Điều tra viên, của Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Uông Bí, của Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tài liệu chứng cứ của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng và các tài liệu, chứng cứ được thu thập sử dụng tại phiên tòa của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về việc định tội đối với bị cáo Nguyễn Văn T:

Lời khai của bị cáo Nguyễn Văn T tại phiên tòa hoàn toàn phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại, người làm chứng, biên bản bắt người phạm tội quả tang, vật chứng thu giữ của bị cáo, kết luận định giá tài sản và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử đủ căn cứ kết luận: Trong khoảng thời gian từ 9 giờ đến 11 giờ ngày 10-3-2018, tại khu danh thắng T, thuộc xã C, thành phố B, tỉnh Quảng Ninh, Nguyễn Văn T đã có hành vi trộm cắp 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu Oppo màu vàng trị giá 950.000đ (Chín trăm năm mươi nghìn) của chị Giang Thị N; trộm cắp 01 chiếc điện thoại Iphone 6 Plus trị giá 6.000.000đ (Sáu triệu đồng) của anh Phạm Xuân Đ; trộm cắp 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung galaxy note 5 màu vàng trị giá 6.500.000đ (Sáu triệu năm trăm nghìn đồng) của anh Nguyễn Thành Tr và trộm cắp số tiền 806.000đ (Tám trăm linh sáu nghìn đồng) của chị Nguyễn Lan P. Tổng giá trị tài sản Nguyễn Văn T trộm cắp là: 14.256.000đ (Mười bốn triệu hai trăm năm mươi sáu nghìn đồng).

Bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, phạm tội do lỗi cố ý trực tiếp xâm hại đến quyền sở hữu tài sản của người khác, gây mất trật tự trị an tại địa phương. Hành vi của bị cáo Nguyễn Văn T đủ yếu tố cấu thành tội **“Trộm cắp tài sản”** quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự. Cáo trạng của Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh truy tố bị cáo và lời luận tội của kiểm sát viên tại phiên tòa đối với bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[3] Về hình phạt đối với bị cáo Nguyễn Văn T

[3.1] Về hình phạt chính:

Điều 173 Bộ luật hình sự quy định:

“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm”.

Tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên Hội đồng xét xử áp dụng điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Tình tiết tăng nặng: Chỉ trong một khoảng thời gian ngắn, bị cáo đã 04 lần thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của 04 người khác nhau, trong đó có 02 lần tài sản trộm cắp có giá trị trên 2.000.000 đồng. Hành vi của bị cáo thuộc trường hợp nhiều lần phạm tội mà mỗi lần đã đủ yếu tố cấu thành tội phạm vì vậy phải áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “phạm tội 02 lần trở lên” theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự.

Để tăng cường biện pháp phòng ngừa, ngăn chặn tội phạm nói chung cũng như để giáo dục, cải tạo riêng đối với bị cáo cần có một hình phạt nghiêm, cách ly bị cáo khỏi đời sống xã hội một thời gian đủ để bị cáo sửa chữa lỗi lầm của bản thân.

[3.2] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 173 của Bộ luật Hình sự, người phạm tội “*Trộm cắp tài sản*” còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000^d (Năm triệu đồng) đến 50.000.000^d (Năm mươi triệu đồng). Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo Nguyễn Văn T là lao động tự do, không có thu nhập ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[5] Về trách nhiệm dân sự:

Bị hại đã nhận lại tài sản và không yêu cầu bồi thường thiệt hại nên không đề cập giải quyết.

[6] Về xử lý vật chứng: 01 chiếc túi giả da màu nâu, kẻ ka rô kích thước 23cm x 30cm có quai đeo đã cũ, bị cáo sử dụng làm phương tiện phạm tội không còn giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy.

[7] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

[8] Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo Bản án theo quy định của pháp luật.

Từ nhận định trên :

QUYẾT ĐỊNH

1. Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự:

Tuyên bố bị cáo: Nguyễn Văn T đã phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

Xử phạt: **Nguyễn Văn T 15 (mười năm) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giữ 10-3-2018.**

2. Áp dụng: Điểm a khoản 1 điều 47 Bộ luật hình sự, Điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015:

Tịch thu tiêu hủy 01 chiếc túi giả da màu nâu, kẻ ka rô kích thước 23cm x 30cm có quai đeo.

(Toàn bộ vật chứng theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 13- 6-2018 giữa Công an TP. Uông Bí và Chi cục thi hành án dân sự TP. Uông Bí).

3. Áp dụng: Khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Buộc bị cáo Nguyễn Văn T phải nộp 200.000^d (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

4. Áp dụng: Điều 331; khoản 1 Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự:

Bị cáo có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án./

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- VKSND TP.Uông Bí;
- Công an TP.Uông Bí;
- TAND,VKSND tỉnh Quảng Ninh;
- THADS TP.Uông Bí;
- Sở tư pháp tỉnh Quảng Ninh;
- Lưu HS; Lưu TA

**T/M.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Thị Thiên Nga